

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2020
V/v: ly hôn giữa
Anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu
T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Bảo
2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 614/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Quang H, sinh năm 1982; Nơi cư trú tại số 44 Hàng Cau, phường Trần Hưng Đạo, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Chị Đàm Thu T, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 115/167 đường Giải Phóng, phường Trường Thi, thành phố N, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú tại số 2/210 đường Điện Biên, phường Cửa Bắc, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh H và chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 04-12-2019, bản tự khai ngày 23-12-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Bùi Quang H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Đàm Thu T kết hôn có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố N, tỉnh Nam Định vào tháng 5-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hòa hợp về tính cách quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt dần. Khoảng 1 năm trở lại đây anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Anh xác định vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đàm Thu T.

- *Về con chung*: anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 23-11-2017 hiện đang ở với chị T. Nay ly hôn nếu chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con thì anh nhất trí và sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Nếu chị T không có nguyện vọng nuôi con thì anh xin được nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 27-12-2019 và tại phiên tòa bị đơn là chị Đàm Thu T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị xác nhận thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như anh H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 10-2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, chị nghi ngờ anh H không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã nói chuyện với anh H về việc này nhưng anh H không thừa nhận. Anh chị vẫn chung sống bình thường với nhau nhưng anh H không thay đổi. Do không tìm được biện pháp thảo gỡ nên anh H đã thuê nhà khác ở và không ở chung với mẹ con chị nữa, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa nhưng con chung còn rất nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn với anh H. Chị muốn vợ chồng duy trì cuộc sống ly thân hiện tại đến khi con chung được 3 tuổi thì anh chị sẽ giải quyết ly hôn và lúc đó nếu anh H không làm đơn xin ly hôn thì chính chị sẽ là người làm đơn xin ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 23-11-2017, nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng của anh H.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị ngày 23-12-2019 chính quyền địa phương nơi anh H và chị T sinh sống cung cấp: anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu T sống tại địa chỉ số 2/210 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên hiện nay anh chị đã sống ly thân. Anh chị có 01 con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 23-11-2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm nên xảy ra va chạm. Theo chị T trình bày anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng anh H không thừa nhận. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị T không đồng ý ly hôn mặc dù chị T xác định không còn tình cảm với anh H nhưng vì con còn nhỏ, chị mong muốn vợ chồng duy trì cuộc sống ly thân hiện tại đến khi con chung được 3 tuổi thì anh chị sẽ giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng hòa giải không thành và anh chị đều đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải nữa. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với chị T, chị T có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh H và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu T.

[2] Về giao nuôi con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 23-11-2017, hiện đang ở với chị T. Tại phiên hòa giải anh H và chị T thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh H và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đã thỏa thuận như trên và đề nghị Tòa án ghi trong bản án để làm căn cứ thi hành. Xét thấy sự tự thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: anh H phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu T.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Giao cho chị Đàm Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 23-11-2017. Anh Bùi Quang H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 01-2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Quang H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Bùi Quang H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002652 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Anh Bùi Quang H và chị Đàm Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

